

# LỄ HỘI ĐỀN ÔNG HOÀNG MƯỜI NGHỆ AN DƯỚI GÓC NHÌN BIỂU TƯỢNG VÀ TRUYỀN THÔNG ĐA TẦNG

ĐOÀN THỊ THANH VÂN\*

**Tóm tắt:** Bài viết tiếp cận lễ hội đền Ông Hoàng Mười tại xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An như một hiện tượng truyền thông biểu tượng trong xã hội đương đại. Bài viết nhấn mạnh đến sự biến đổi và lan tỏa của biểu tượng Quan Hoàng Mười thông qua các nền tảng số. Trên cơ sở lý thuyết của Eliade (không gian thiêng), Barthes (biểu tượng văn hóa), Jan Assmann (trí nhớ văn hóa) và Appadurai (cộng đồng tưởng tượng). Bài viết khảo sát cách biểu tượng được tái tạo, diễn giải lại và tiêu dùng trong môi trường truyền thông số. Thông qua phân tích nội dung các video trên mạng xã hội và phỏng vấn sâu các chủ thể thực hành tại địa phương, bài viết đưa ra luận điểm về sự hình thành một hình thức “tín ngưỡng thị giác” trong đạo Mẫu, từ đó, đặt ra những thách thức mới về bảo tồn tính linh thiêng và sự chính danh của nghi lễ.

**Từ khóa:** Quan Hoàng Mười, truyền thông số, đạo Mẫu, biểu tượng học, tín ngưỡng thị giác, không gian thiêng, nghi lễ đương đại, văn hóa số.

**Abstract:** The article approaches the Ong Hoang Muoi Temple Festival, held in Hung Nguyen District, Nghe An Province, as a phenomenon of symbolic communication within contemporary society. It highlights the transformation and dissemination of the Quan Hoang Muoi symbol through digital media platforms. Based on the theories of Eliade (sacred space), Barthes (cultural symbol), Jan Assmann (cultural memory) and Appadurai (imagined community). The article investigates the processes by which religious symbols are reconstructed, reinterpreted, and consumed in the digital media environment. Employing content analysis of social media video materials and in-depth interviews with local ritual practitioners, the article argues for the emergence of a form of “visual belief” within the Mother Goddess religion. This evolving visual modality of belief presents new challenges to the preservation of ritual sacredness and the perceived legitimacy of religious practice.

**Keywords:** Quan Hoang Muoi, digital media, Mother Goddess religion, symbolism, visual belief, sacred space, contemporary ritual, digital culture.

## 1. Dẫn nhập

Trong vài năm trở lại đây, đặc biệt là sau đại dịch COVID-19, các hình thức thực hành tín ngưỡng tại Việt Nam đã có xu hướng chuyển dịch mạnh mẽ từ không gian vật lý sang không gian số. Sự phổ biến của các nền tảng như TikTok, Facebook, YouTube đã góp phần hình thành một hệ sinh thái truyền thông mới, nơi các nghi lễ truyền thống - đặc biệt là hầu đồng - vượt ra khỏi khuôn khổ cộng đồng tại chỗ để hiện diện và lan tỏa trong cộng đồng ảo.

Một đoạn clip ghi lại giá hầu Quan Hoàng Mười được đăng tải trên TikTok năm 2024 đã thu hút hơn 1,2 triệu lượt xem chỉ sau ba ngày, kèm theo hàng ngàn bình luận như “xin lộc Quan Mười”, “Ngài về rồi!”. Hiện tượng này không chỉ phản ánh sự quan

tâm ngày càng lớn đối với thực hành tín ngưỡng dân gian, mà còn cho thấy sự chuyển biến trong cách thức tiếp nhận và diễn giải biểu tượng thiêng - từ hành vi nghi lễ tập thể sang trải nghiệm thị giác số hóa mang tính cá nhân.

Trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ của người Việt, Quan Hoàng Mười là một biểu tượng vừa mang tính khu vực (đại diện miền Trung), vừa mang tính chức năng (ban học hành, công danh, trừ tà). Việc hình ảnh Quan Hoàng Mười được tái hiện thường xuyên trên mạng xã hội với các đặc trưng dễ nhận biết như áo vàng, cờ lệnh, nhạc văn... đã khiến vị thánh này trở thành một biểu tượng lan truyền (viral symbol) trong văn hóa đại chúng Việt Nam đương đại.

Từ đó, bài viết đặt ra các câu hỏi nghiên cứu: biểu tượng Quan Hoàng Mười đang được kiến tạo và tái kiến tạo như thế nào trong không gian số? Hành vi “xem giá đồng”, “xin lộc online”, “chia sẻ clip linh ứng” có thể được xem là một dạng thực hành tín ngưỡng mới mà bài viết gọi là “tín ngưỡng thị giác” hay không? Nếu có, điều này đặt ra những thách thức gì đối với việc bảo tồn tính linh thiêng và chiều sâu biểu tượng trong thực hành tín ngưỡng đạo Mẫu?



**Dòng người tham gia lễ hội đền Ông Hoàng Mười**  
 Nguồn: internet

Đồng thời, trong bối cảnh đẩy mạnh công cuộc chuyển đổi số quốc gia, việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống không thể tách rời các nỗ lực tư liệu hóa và số hóa toàn diện. Bộ VHTTDL hiện đang triển khai nhiều chương trình trọng điểm về số hóa di sản văn hóa phi vật thể, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về các tín ngưỡng dân gian, nghi lễ truyền thống, nhạc lễ, hình ảnh và ngôn ngữ liên quan. Các hoạt động lễ hội như lễ hội Quan Hoàng Mười không chỉ cần được nghiên cứu, ghi chép, mà còn phải được lưu giữ và lan tỏa trong không gian số, nhằm phục vụ mục tiêu giáo dục, truyền thông và bảo tồn lâu dài. Qua đó, di sản không chỉ được bảo vệ mà còn có thể phát huy như một nguồn lực văn hóa - kinh tế quan trọng trong xã hội đương đại.

## **2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu**

Bài viết được triển khai trên nền tảng liên ngành của văn hóa học, biểu tượng học và nghiên cứu truyền thông, với trọng tâm là sự tương tác giữa các biểu tượng tín ngưỡng truyền thống và môi trường truyền thông số đương đại. Các lý thuyết được sử dụng bao gồm:

Thứ nhất, lý thuyết không gian thiêng của Mircea Eliade, trong đó ông khẳng định rằng không gian thiêng là trung tâm của vũ trụ tín ngưỡng - nơi con người có thể kết nối với thực thể linh thiêng qua các hành vi lễ nghi định kỳ. Không

gian thiêng không chỉ mang ý nghĩa vật lý mà còn được xác lập qua trải nghiệm tâm linh và các hành động biểu tượng, qua đó thiết lập sự đối xứng giữa trần thế và thần giới (1).

Thứ hai, Roland Barthes với công trình *Mythologies* đã đưa ra quan điểm rằng các biểu tượng văn hóa không mang tính bất biến

mà là kết quả của sự kiến tạo xã hội. Một biểu tượng - đặc biệt là biểu tượng mang tính thiêng - có thể bị diễn giải lại tùy theo ngữ cảnh văn hóa và công nghệ, từ đó sản sinh ra các hình thức “biểu tượng thứ cấp” (2). Quan điểm này đặc biệt hữu ích trong việc phân tích cách hình ảnh Quan Hoàng Mười bị tái mã hóa và tái tiêu dùng qua mạng xã hội.

Thứ ba, khái niệm “trí nhớ văn hóa” của Jan Assmann mở rộng hiểu biết về cách cộng đồng duy trì ký ức tập thể không chỉ bằng truyền khẩu mà còn thông qua các phương tiện lưu trữ hiện đại như hình ảnh, video, văn bản số hóa. Trong bối cảnh này, các clip TikTok về giá hầu không chỉ là phương tiện giải trí mà còn đóng vai trò như “nơi lưu giữ ký ức linh thiêng” trong môi trường kỹ thuật số (3).

Cuối cùng, lý thuyết về “cộng đồng tưởng tượng” của Arjun Appadurai cho phép nhìn nhận các nhóm tín đồ trên mạng xã hội như những thực thể cộng đồng ảo, nơi bản sắc tín ngưỡng được duy trì và tái tạo không cần sự hiện diện vật lý mà qua các hành vi tương tác trực tuyến (4).

Về mặt phương pháp, bài viết sử dụng các công cụ định tính bao gồm: Phân tích nội dung (*content analysis*) các video và bài viết trên nền tảng mạng xã hội TikTok, Facebook, YouTube liên quan đến Quan Hoàng Mười trong năm 2023-2024; Quan sát trực tiếp và ghi nhận hiện trường tại đền Mỏ Hạc trong kỳ lễ hội tháng 10 âm lịch năm 2023; Phỏng vấn sâu 12 người, bao gồm 3 thanh đồng, 2 cung văn, 1 thủ nhang, 2 cán bộ văn hóa và 4 tín đồ trẻ tuổi đến từ Nghệ An, Hà Tĩnh và TP.HCM. Bên cạnh đó có các tài liệu liên quan tới hồ sơ di tích được

cung cấp bởi Bảo tàng tỉnh Nghệ An và các nguồn tư liệu khác từ quá trình điền dã.

Việc kết hợp giữa nền tảng lý thuyết vững chắc và phương pháp thực địa linh hoạt cho phép bài viết tiếp cận hiện tượng nghiên cứu từ nhiều chiều kích: biểu tượng - truyền thông - cộng đồng - ký ức. Đây cũng là cách tiếp cận đặc trưng của văn hóa học đương đại, nơi các hiện tượng văn hóa không chỉ được miêu tả mà còn được đặt vào bối cảnh rộng lớn của sự biến đổi xã hội và công nghệ.

### **3. Biểu tượng Quan Hoàng Mười trong không gian truyền thông số**

Việc tái tạo hình ảnh Quan Hoàng Mười trên mạng xã hội không đơn thuần là hành vi sao chép nghi lễ mà còn là quá trình tái mã hóa biểu tượng trong một hệ sinh thái truyền thông mới. Trong các video TikTok phổ biến hiện nay, hình ảnh Quan Hoàng Mười thường gắn với những yếu tố thị giác đặc trưng: trang phục áo vàng lộng lẫy, thanh kiếm hoặc cờ lệnh, cùng động tác dứt khoát và nhạc văn phối với hiệu ứng hiện đại. Những yếu tố này không chỉ khơi gợi ký ức tập thể về nhân vật thánh mà còn cho phép người xem tương tác với biểu tượng qua thị giác.

Một ví dụ tiêu biểu là đoạn clip giá hầu được đăng vào tháng 10-2024 tại đền Mỏ Hạc, thu hút hơn 1,2 triệu lượt xem. Video được dàn dựng với nhạc nền phối EDM, chuyển cảnh mượt, caption “Quan Mười về ban lộc học hành, công danh rạng rỡ” được lặp lại như một lời cầu nguyện. Dưới phần bình luận, hàng loạt tài khoản để lại lời “xin lộc”, “em đã mơ thấy ngài”, “con xin vía thi cử đầu xuôi đuôi lọt”. Những phản ứng này cho thấy, người xem không chỉ tiếp nhận hình ảnh mà còn tham gia vào một thực hành tín ngưỡng trực tuyến - tức một hình thức “thờ qua màn hình”.

Dưới góc nhìn của Barthes, có thể coi đây là một quá trình “tái huyền thoại hóa” - trong đó biểu tượng được đưa vào ngữ cảnh truyền thông đại chúng, được cắt nghĩa lại thông qua cảm xúc và thói quen tiêu dùng văn hóa số (5). Hình ảnh Quan Hoàng Mười không chỉ là di tích của ký ức dân gian mà đã trở thành nội dung lan truyền - một loại “viral sacred content” - nơi yếu tố linh thiêng và truyền thông giải trí đan xen nhau.

Tuy nhiên, không phải tất cả các nội dung đều tuân thủ logic nghi lễ truyền thống. Một số video có xu hướng sân khấu hóa quá mức, sử dụng phục trang cách điệu, động tác cường điệu, hoặc phối nhạc

remix gây tranh cãi. Sự xuất hiện của các phiên bản “Quan Hoàng Mười cosplay” trong không gian mạng cho thấy nguy cơ biểu tượng bị giải cấu trúc và tiêu dùng như một sản phẩm văn hóa đại chúng, thay vì là một yếu tố trung tâm của hệ thống tín ngưỡng Tam Phủ.

Trên thực tế, tính linh thiêng của biểu tượng trong truyền thông số phụ thuộc vào cả ngữ cảnh trình bày lẫn hành vi tiếp nhận. Khi người xem gán cho video chức năng tâm linh - như lưu về làm hình nền điện thoại, chia sẻ để “giữ vía” - thì không gian số tạm thời trở thành một dạng không gian thiêng (6). Đồng thời, điều đó đặt ra câu hỏi: liệu có thể kiến tạo một hệ quy chiếu nghi lễ mới trong môi trường truyền thông số, mà không làm mất đi chiều sâu văn hóa của biểu tượng Quan Hoàng Mười?

### **4. Biểu tượng vùng miền và chiều sâu bản sắc**

Để đảm bảo sự toàn diện của nghiên cứu, không thể không xem xét yếu tố vùng miền trong cấu trúc biểu tượng Quan Hoàng Mười - một đặc điểm phân biệt so với các vị thánh khác trong hệ thống thờ Mẫu Tam Phủ. Không giống các giá văn phổ biến ở miền Bắc như Quan Hoàng Bảy (Lào Cai), hay Quan Hoàng Tư (nay là tỉnh Bắc Ninh), Quan Hoàng Mười được nhận diện như biểu tượng tinh thần của xứ Nghệ. Theo các văn bản truyền tụng và truyền thuyết dân gian, ngài vốn là vị quan văn, giỏi thơ phú, cầm kỳ thi họa, đồng thời có tài trừ tà, giúp dân dẹp loạn. Trong văn chương, hình ảnh ngài hiện lên vừa thanh tao, uy nghi, vừa gần gũi, thấu cảm.

Biểu tượng Quan Hoàng Mười vì vậy không chỉ là yếu tố nghi lễ, mà còn là biểu tượng cộng đồng của cư dân miền Trung, đặc biệt tại Nghệ An - Hà Tĩnh. Trong phỏng vấn với một số thanh đồng tại Nghệ An, nhiều người xác nhận: “Chúng tôi thờ Quan Mười không chỉ vì tín ngưỡng mà vì đó là ông Quan của quê mình”. Yếu tố bản địa này củng cố quan điểm của văn hóa học rằng biểu tượng thiêng luôn gắn liền với không gian xã hội cụ thể - nơi sản sinh và duy trì ký ức cộng đồng (7).

Khi chuyển sang không gian văn hóa số, chính yếu tố vùng miền này lại tiếp tục phát huy vai trò phân biệt hóa. Người trẻ Nghệ An chia sẻ video Quan Hoàng Mười như một cách khẳng định căn tính văn hóa địa phương. Một số TikTok cá nhân ghi chú rõ: “Quan Mười quê em - chỉ ai Nghệ An mới hiểu”, hay “Xứ Nghệ - đất phát tích của Quan Mười linh thiêng”. Điều này khiến biểu tượng Quan Mười

trong môi trường mạng không chỉ là hình ảnh nghi lễ, mà còn là công cụ nhận diện văn hóa địa phương trong thời đại số hóa.

Ngoài ra, khi xem xét hệ giá trị đạo đức gắn với biểu tượng này, có thể thấy Quan Hoàng Mười đại diện cho hệ chuẩn của người quân tử: học hành, chính trực, dám hành đạo. Đây cũng là lý do tại sao các clip liên quan đến Quan Mười thường thu hút giới học sinh - sinh viên - phụ huynh, với hy vọng “xin lộc học hành, đỗ đạt”. Từ đây, biểu tượng Quan Hoàng Mười có thể được tiếp cận như một hình ảnh đạo đức lý tưởng - tương tự cách Durkheim lý giải tôn giáo như biểu đạt tập thể của hệ chuẩn xã hội.

Từ việc khảo sát mối liên hệ giữa biểu tượng - không gian vùng - cấu trúc niềm tin, có thể thấy sự phức hợp văn hóa của lễ hội đền Quan Hoàng Mười không chỉ nằm ở cấu trúc nghi lễ, mà còn ở tầng sâu biểu tượng học và bản sắc cộng đồng. Chính điều này khiến cho việc bảo tồn nghi lễ Quan Mười cần được đặt trong mối quan hệ tương tác giữa truyền thống văn hóa địa phương và diễn ngôn văn hóa số toàn cầu, thay vì bó hẹp trong khung kỹ thuật nghi lễ hay di sản vật thể thuần túy.

Đáng chú ý, biểu tượng Quan Hoàng Mười còn có khả năng dịch chuyển linh hoạt giữa các không gian văn hóa khi cộng đồng kiều bào mang theo nghi lễ này sang các quốc gia khác như Hoa Kỳ, Đức hay Úc. Trong các hội nhóm người Việt tại hải ngoại, lễ hầu Quan Hoàng Mười được tái hiện trong các sự kiện văn hóa cộng đồng, tuy giản lược về quy mô nhưng vẫn giữ được tinh thần kính lễ và biểu tượng thánh hóa. Điều này cho thấy sức sống xuyên biên giới của biểu tượng Quan Mười, góp phần kiến tạo “cộng đồng tưởng tượng” xuyên quốc gia - đúng như cách Appadurai lý giải vai trò của các lưu thông văn hóa trong định hình bản sắc di dân (8).

Đồng thời, dưới góc nhìn xã hội học tôn giáo, Émile Durkheim đã khẳng định rằng biểu tượng tôn giáo là sự phản chiếu các giá trị tập thể - do cộng đồng sản sinh và gắn kết (9). Hình ảnh Quan Hoàng Mười, với tính cách chính trực, công minh, học rộng, hành đạo, đã trở thành một biểu trưng đạo đức lý tưởng cho cộng đồng cư dân miền Trung - vốn trọng học, trọng nghĩa và giàu nghị lực vượt khó. Chính vì vậy, sự lan tỏa hình ảnh Quan Mười trong môi trường mạng không chỉ đơn thuần là thực hành tín ngưỡng, mà còn là một cách thức tái khẳng định những hệ giá trị văn hóa cốt lõi trong xã hội Việt Nam đương đại trong mối quan hệ tương tác giữa

truyền thống văn hóa địa phương và diễn ngôn văn hóa số toàn cầu, thay vì bó hẹp trong khung kỹ thuật nghi lễ hay di sản vật thể thuần túy.

### 5. Kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu lễ hội đền Ông Hoàng Mười từ góc nhìn biểu tượng học và truyền thông số đã chỉ ra rằng, bên cạnh vai trò là một thiết chế tín ngưỡng truyền thống, lễ hội này còn là một thực thể biểu tượng sống động, liên tục được tái tạo trong các không gian văn hóa mới, đặc biệt là truyền thông mạng xã hội. Khác với các nghiên cứu đi trước chủ yếu tập trung vào mô tả nghi lễ hoặc giá trị lịch sử - văn hóa của di tích, bài viết này nhấn mạnh đến quá trình biểu tượng hóa trong không gian số, từ đó đưa ra cách tiếp cận mới về mối quan hệ giữa linh thiêng và công nghệ, giữa ký ức cộng đồng và thực hành số hóa. Tín ngưỡng dân gian Việt Nam đang bước vào một thời kỳ chuyển dịch mạnh mẽ, trong đó các hình thức biểu đạt truyền thống được tái hiện, biến đổi và lan tỏa trong môi trường số. Sự hiện diện ngày càng đậm nét của hình tượng Quan Hoàng Mười trên các nền tảng mạng xã hội không chỉ minh chứng cho sức sống bền bỉ của đạo Mẫu, mà còn phản ánh khả năng thích ứng cao của tín ngưỡng bản địa trước dòng chảy công nghệ và truyền thông toàn cầu.

Tuy nhiên, song hành với sự lan tỏa đó là những thách thức đáng kể. Việc biểu tượng Quan Hoàng Mười bị sân khấu hóa, thương mại hóa, hoặc thậm chí biến dạng trong các clip TikTok, Livestream lễ hầu gây tranh cãi cho thấy tính thiêng có nguy cơ bị xói mòn khi không có quy chuẩn đạo đức và biểu tượng học rõ ràng. Hiện tượng “tín ngưỡng thị giác” - nơi người dùng mạng xã hội tương tác với video giả hầu bằng cách thả tim, bình luận câu may, lưu video làm hình nền điện thoại hoặc chia sẻ kèm lời khấn - không còn là hiện tượng đơn lẻ. Một ví dụ cụ thể là chuỗi video TikTok của tài khoản *@thanhdongX*, mỗi clip ghi lại giá Quan Hoàng Mười đều nhận được hàng trăm nghìn lượt xem và hàng ngàn bình luận mang tính khấn nguyện, cho thấy mạng xã hội đang trở thành không gian tín ngưỡng mới với quy tắc và biểu tượng riêng, xin lộc, chia sẻ clip như một hành vi tín ngưỡng - đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu nghiêm túc hơn về tính chính danh và chiều sâu tâm linh của các thực hành tín ngưỡng trực tuyến.

Mặc dù vậy, chính môi trường số cũng mở ra cơ hội mới cho cộng đồng bản địa, giới nghiên cứu và các nghệ nhân nghi lễ trong việc kiến tạo hệ quy chiếu biểu tượng phù hợp với ngữ cảnh hiện đại. Một

ví dụ điển hình là dự án truyền thông “Đạo Mẫu hôm nay” do một nhóm nghệ sĩ và học giả trẻ tại Hà Nội thực hiện, kết hợp tư liệu video truyền thống với đồ họa số và phụ đề đa ngôn ngữ, giúp lễ hầu đồng được tiếp cận như một thực hành văn hóa vừa thiêng vừa hấp dẫn với giới trẻ và cộng đồng quốc tế. Để cộng đồng bản địa, giới nghiên cứu và những người thực hành nghi lễ cùng tham gia kiến tạo hệ quy chiếu biểu tượng mới, đồng thời truyền bá các giá trị văn hóa dân gian theo cách thức linh hoạt, gần gũi với giới trẻ hơn. Điều quan trọng là cần xây dựng cơ chế vừa bảo tồn vừa sáng tạo, không rập khuôn nhưng vẫn đảm bảo tính thiêng và tính bản sắc. Một trong những hướng đi không thể thiếu là phát huy vai trò của tư liệu hóa và số hóa di sản - vừa tạo điều kiện lưu giữ biểu tượng trong không gian số, vừa phục vụ cho việc tiếp cận, học tập và quảng bá di sản một cách bền vững. Việc phát triển kho dữ liệu số về lễ hội, biểu tượng và diễn xướng nghi lễ Quan Hoàng Mười sẽ giúp kết nối giữa các thế hệ, vùng miền, cũng như giữa Việt Nam và cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Trong chiến lược chuyển đổi số quốc gia về văn hóa, Bộ VH-TT-DL đã có chủ trương thúc đẩy số hóa di sản văn hóa phi vật thể, trong đó nhấn mạnh việc thiết lập nền tảng tư liệu hóa nghi lễ, ngôn ngữ, nhạc lễ và hình ảnh liên quan đến các tín ngưỡng dân gian. Việc tích hợp các lễ hội như lễ hội Quan Hoàng Mười vào hệ thống cơ sở dữ liệu di sản quốc gia không chỉ góp phần bảo tồn linh hoạt mà còn tạo điều kiện để di sản trở thành nguồn lực phát triển văn hóa và du lịch bền vững trong thời đại số, vừa tạo điều kiện lưu giữ biểu tượng trong không gian số, vừa phục vụ cho việc tiếp cận, học tập và quảng bá di sản một cách bền vững. Việc phát triển kho dữ liệu số về lễ hội, biểu tượng và diễn xướng nghi lễ Quan Hoàng Mười sẽ giúp kết nối giữa các thế hệ, vùng miền, cũng như giữa Việt Nam và cộng đồng người Việt ở hải ngoại.

Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số định hướng cụ thể: 1. Xây dựng bộ quy chuẩn biểu tượng nghi lễ Quan Hoàng Mười, bao gồm quy định về trang phục, nghi lễ, âm nhạc, ngôn ngữ biểu đạt và hành vi truyền thông. Bộ quy chuẩn cần có sự tham gia của cộng đồng thực hành, nhà nghiên cứu văn hóa học, cơ quan quản lý di sản và chuyên gia truyền thông số. 2. Thành lập các kênh truyền thông chính thống (trên YouTube, TikTok, Facebook) do cộng đồng bản địa phối hợp quản lý, nhằm lan tỏa giá trị biểu tượng đúng đắn, hấp dẫn giới trẻ nhưng vẫn đảm

bảo tính linh thiêng và chuẩn mực biểu tượng. 3. Tổ chức các hội thảo, tọa đàm, triển lãm truyền thông số về đạo Mẫu và Quan Hoàng Mười như một hoạt động thường niên, kết nối nhà nghiên cứu - nghệ nhân - nhà làm nội dung để tìm ra giải pháp truyền thông hiệu quả mà không làm tổn hại đến giá trị di sản. 4. Đưa nội dung giáo dục về tín ngưỡng và các giá trị biểu tượng học vào nhà trường, thông qua hoạt động trải nghiệm, tư liệu số, nền tảng học liệu mở. Hướng tiếp cận này góp phần nuôi dưỡng nhận thức về bản sắc văn hóa từ sớm cho thế hệ trẻ. 5. Khuyến khích các công trình nghiên cứu liên ngành giữa văn hóa học, truyền thông, xã hội học và nhân học tôn giáo về thực hành đạo Mẫu đương đại, để xây dựng nền tảng học thuật vững chắc cho việc bảo tồn, phát huy giá trị biểu tượng trong thời đại số.

Từ trường hợp Quan Hoàng Mười tại Nghệ An, có thể thấy biểu tượng thiêng không còn là cấu trúc cố định trong nghi lễ truyền thống, mà đang tái cấu trúc liên tục qua các phương tiện truyền thông mới. Vai trò của biểu tượng linh thiêng trong bối cảnh hiện nay không chỉ là kết nối tín ngưỡng với cộng đồng, mà còn đóng vai trò chiến lược trong phát triển văn hóa bền vững - nơi truyền thống được bảo tồn không phải bằng sự bất biến, mà bằng khả năng thích nghi sáng tạo và ý nghĩa biểu tượng sâu sắc trong đời sống đương đại. Có thể thấy, biểu tượng thiêng không còn tĩnh tại trong không gian nghi lễ truyền thống mà đang được tái tạo năng động trong không gian mạng. Việc giữ gìn tính thiêng trong thời đại kỹ thuật số đòi hỏi sự kết hợp giữa bảo tồn ý nghĩa nguyên gốc và thích nghi sáng tạo với môi trường đương đại. Đó là thách thức nhưng cũng là cơ hội để tín ngưỡng dân gian tiếp tục đồng hành cùng đời sống xã hội Việt Nam hiện đại ■

Đ.T.T.V

1, 6. Eliade, Mircea, *The Sacred and the Profane: The Nature of Religion (Thiêng liêng và cái phàm tục: Bản chất của tôn giáo)*, Translated by Willard R. Trask. New York: Harcourt, 1959, tr.20, 45.

2, 5. Barthes, Roland, *Mythologies (Thần thoại)*, Paris: Éditions du Seuil, 1957, tr.109, 120.

3, 7. Assmann, Jan, *Cultural Memory and Early Civilization: Writing, Remembrance, and Political Imagination (Ký ức văn hóa và nền văn minh sơ khai: Viết, tưởng nhớ và trí tưởng tượng chính trị)*, Nxb Đại học Cambridge, 2011, tr.35, 57.

4, 8. Appadurai, Arjun, *Modernity at Large: Cultural Dimensions of Globalization (Hiện đại nói chung: Các chiều kích văn hóa của toàn cầu hóa)*, Nxb Đại học Minnesota, 1996, tr.27, 47.

9. Durkheim, Émile, *The Elementary Forms of Religious Life (Các hình thức cơ bản của đời sống tôn giáo)*, Translated by Karen E. Fields, New York: Free Press, 1995, tr.206-238.

**Tài liệu tham khảo**

1. Nora, Pierre, *Between Memory and History: Les Lieux de Mémoire (Giữa ký ức và lịch sử: Les Lieux de Mémoire)*, *Representations* 26 (Spring 1989), tr.7-24.

2. Kendall, Laurel, *Shamans, Nostalgias, and the IMF: South Korean Popular Religion in Motion (Tôn giáo phổ biến của Hàn Quốc đang chuyển động)*, University of Hawaii Press, Honolulu, 2009.

3. Nguyễn Thị Hiền, *Nghệ thuật và ma lực: một lý thuyết nhân học*, *tapchivanhoahoc.com.vn*, 7-10-2024.

4. Nhiều tác giả, *Kỷ yếu hội thảo Bảo vệ và phát huy giá trị di sản Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người*

*Việt trong bối cảnh hiện nay*, Tài liệu nội bộ, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam và Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh đồng tổ chức, ngày 15,16-8-2022; Phạm Lan Oanh, *Từ lộ trình ghi danh di sản văn hóa phi vật thể nghệ thuật về thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt ở Việt Nam*, tham luận Hội thảo *Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt*, Viện Nghiên cứu văn hóa Thăng Long tổ chức, Hà Nội, 15-10-2022.

5. Nhiều tác giả, *Đánh giá hiệu quả thực hiện Chương trình hành động quốc gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt*, Kỷ yếu hội nghị - hội thảo do Cục Di sản Văn hóa tổ chức, Tài liệu nội bộ, thành phố Hưng Yên, 7-12-2022.

6. Hồ sơ ứng cử quốc gia vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, *Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt*, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2015.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 15-5-2025; Ngày phân biện, đánh giá, sửa chữa: 15-6-2025; Ngày duyệt đăng: 25-6-2025.

## PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA SỐ...

(tiếp theo trang 12)

*Thứ tư*, đây mạnh, tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển CNVH số. Hiện nay, nhiều quốc gia trong khu vực và quốc tế đã xây dựng và định vị được thương hiệu, bản sắc riêng của ngành CNVH với chiến lược và hướng đi cụ thể. Việt Nam cần ra sức học tập, tiếp thu và chuyển giao công nghệ từ bài học thành công của các quốc gia có nền CNVH phát triển, từ đó xây dựng và lựa chọn cho mình hướng đi phù hợp dựa trên giá trị, truyền thống và bản sắc văn hóa riêng, độc đáo.

Trong 12 ngành CNVH, Việt Nam cần ưu tiên lựa chọn các ngành có tiềm năng, lợi thế như: Phần mềm và các trò chơi giải trí, Quảng cáo, Điện ảnh, Du lịch văn hóa, Nghệ thuật biểu diễn... để đầu tư. Từ đó rút ra bài học kinh nghiệm, nhân rộng và áp dụng đối với các ngành CNVH khác.

Hiện nay, nhiều quốc gia cho rằng CNVH là ngành kinh tế sáng tạo, CNVH số, công nghiệp bản quyền gắn liền với sở hữu trí tuệ và những phát minh, sáng chế. Trong bối cảnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, việc đẩy nhanh phát triển ngành CNVH số là xu thế tất yếu để Việt Nam đi tắt, đón đầu, rút ngắn khoảng cách phát triển để cùng các nguồn lực, các ngành kinh tế khác đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, đáp ứng những yêu cầu của kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, đất nước ■

N.H.P-N.N.V

- 
- 1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, tập 57, tr.304, 317-318.
3. Nguyễn Phú Trọng, *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2024, tr.46.
4. Tổng Cục thống kê, *Thông cáo báo chí về tình hình dân số, lao động việc làm quý IV và năm 2023*, Hà Nội, 29-12-2023.
5. Mạnh Hùng, *Việt Nam nằm trong nhóm cao về Chỉ số phát triển con người (HDI)*, *dangcongsan.vn*, 14-3-2024.
6. Hoàng Giang, *Việt Nam tiếp tục thăng hạng chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu*, *baohinhphu.vn*, 26-9-2024.
7. Thế Công, *Để văn hóa thực sự trở thành ngành công nghiệp phát triển - Bài 1: Chủ trương đúng đắn*, *bvhttdl.gov.vn*, 1-4-2024.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.145.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 16-5-2025; Ngày phân biện, đánh giá, sửa chữa: 26-6-2025; Ngày duyệt đăng: 2-7-2025.